CHUYỂN ĐỔI SỐ VÀ CHUYỂN ĐỔI XANH: CON ĐƯỜNG NÂNG CAO NĂNG LỰC CẠNH TRANH CỦA DOANH NGHIỆP VIỆT NAM

Nguyễn Khánh Huyền[1]

Giai đoạn 2015-2025, doanh nghiệp (DN) Việt Nam chịu tác động mạnh từ đại dịch COVID-19, đứt gãy chuỗi cung ứng, bất ổn địa chính trị cùng xu hướng chuyển đổi số và chuyển đổi xanh. Nghiên cứu sử dụng dữ liệu từ Sách trắng DN Việt Nam, VCCI, World Bank, OECD, UNCTAD và ADB để đánh giá thực trạng phát triển, năng lực chống chịu và quá trình chuyển đổi của DN Việt Nam. Kết quả cho thấy, khu vực DN tiếp tục giữ vai trò quan trọng trong tăng trưởng kinh tế và hội nhập quốc tế nhưng vẫn đối mặt với những hạn chế về năng suất, đổi mới sáng tạo và khả năng tham gia chuỗi giá trị toàn cầu. Từ đó khẳng định năng lực chống chịu, chuyển đổi số, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi xanh là các động lực then chốt nâng cao năng lực cạnh tranh, đồng thời đề xuất hàm ý chính sách cho Việt Nam và các nền kinh tế mới nổi trong thời gian tới.

• Từ khóa: *chuyển đổi số; chuyển đổi xanh; đổi mới sáng tạo; năng lực cạnh tranh; kinh tế mới nổi.*

During the period 2015-2025, Vietnamese enterprises were significantly affected by the COVID-19 pandemic, global supply chain disruptions, geopolitical instability, and the accelerating trends of digital transformation and green transition. This study utilizes data from the Vietnam Enterprise White Book, the Vietnam Chamber of Commerce and Industry (VCCI), the World Bank, the Organisation for Economic Co-operation and Development (OECD), the United Nations Conference on Trade and Development (UNCTAD), and the Asian Development Bank (ADB) to assess the development performance, resilience, and transformation processes of Vietnamese enterprises. The findings indicate that the enterprise sector has continued to play a pivotal role in economic growth and international integration; however, it still faces significant challenges related to productivity, innovation capacity, and participation in global value chains. The study confirms that resilience, digital transformation, innovation, and green transition are key drivers of enhanced competitiveness. Based on these findings, several policy implications are proposed for Vietnam and other emerging economies in the coming years.

• Key words: *digital transformation; green transition; innovation; competitiveness; emerging economies.*

Ngày nhận bài: 26/4/2026
Ngày gửi phản biện: 26/5/2026
Ngày duyệt đăng: 13/6/2026

DOI: https://doi.org/10.71374/jfarv.v26.i315.17

1. Giới thiệu

1.1. Bối cảnh nghiên cứu

Giai đoạn 2015-2025 chứng kiến những biến động sâu sắc của kinh tế thế giới do chiến tranh thương mại, đại dịch COVID-19, đứt gãy chuỗi cung ứng, bất ổn địa chính trị cùng xu hướng chuyển đổi số và chuyển đổi xanh. Trong bối cảnh đó, doanh nghiệp (DN) trở thành nhân tố quyết định năng lực chống chịu, khả năng phục hồi và triển vọng tăng trưởng của mỗi nền kinh tế.

Đối với Việt Nam, đây là giai đoạn đẩy mạnh hội nhập kinh tế quốc tế với việc tham gia các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới như CPTPP, EVFTA và RCEP. Những cam kết này mở rộng cơ hội thị trường, thúc đẩy đổi mới sáng tạo và nâng cao năng lực cạnh tranh của DN. Tuy nhiên, phần lớn DN Việt Nam vẫn có quy mô nhỏ và vừa, hạn chế về công nghệ, vốn và nguồn nhân lực chất lượng cao. Đồng thời, các cú sốc kinh tế toàn cầu và yêu cầu ngày càng cao về môi trường, xã hội và quản trị (ESG) đang tạo ra nhiều sức ép đối với quá trình phát triển và chuyển đổi của DN.

1.2. Khoảng trống nghiên cứu

Các nghiên cứu trước đây chủ yếu tập trung vào tăng trưởng DN, năng lực cạnh tranh hoặc tác động của hội nhập kinh tế quốc tế. Tuy nhiên, phần lớn vẫn tiếp cận theo từng khía cạnh riêng lẻ và chưa đánh giá toàn diện mối quan hệ giữa năng lực chống chịu, chuyển đổi số, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi xanh trong bối cảnh biến động toàn cầu.

Đặc biệt, còn thiếu các nghiên cứu tổng hợp về quá trình phát triển và chuyển đổi của DN Việt Nam trong giai đoạn 2015-2025, thời kỳ chịu tác động mạnh của các cú sốc kinh tế và những thay đổi mang tính cấu trúc của môi trường kinh doanh.

[1] *Email: khanhhuyenhvtc.@gmail.com*

1.3. Mục tiêu nghiên cứu

Nghiên cứu nhằm: (i) phân tích thực trạng phát triển của DN Việt Nam giai đoạn 2015-2025; (ii) đánh giá năng lực chống chịu, khả năng thích ứng và các động lực chuyển đổi trước những biến động toàn cầu; và (iii) đề xuất hàm ý chính sách nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh và phát triển bền vững của DN Việt Nam.

2. Cơ sở lý thuyết và phương pháp nghiên cứu

2.1. Cơ sở lý thuyết

Nghiên cứu dựa trên lý thuyết năng lực động (Dynamic Capability Theory) và lý thuyết nguồn lực DN (Resource-Based View). Theo đó, khả năng thích ứng và lợi thế cạnh tranh bền vững phụ thuộc vào năng lực tái cấu trúc nguồn lực, đổi mới sáng tạo và khai thác hiệu quả các nguồn lực chiến lược. Trên cơ sở này, bài viết xây dựng khung phân tích gồm bốn trụ cột: năng lực chống chịu, chuyển đổi số, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi xanh.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu sử dụng dữ liệu thứ cấp từ Sách trắng DN Việt Nam, Niên giám Thống kê, báo cáo PCI và các báo cáo của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, VCCI, World Bank, OECD, UNCTAD và ADB giai đoạn 2015-2025. Các phương pháp được sử dụng gồm thống kê mô tả, phân tích chuỗi thời gian, phân tích SWOT, so sánh quốc tế và tổng hợp, suy luận chính sách nhằm đánh giá thực trạng phát triển, năng lực chống chịu và các động lực chuyển đổi của DN Việt Nam.

Hình 1. Mô hình nghiên cứu RDIG về các yếu tố tác động đến năng lực cạnh tranh doanh nghiệp

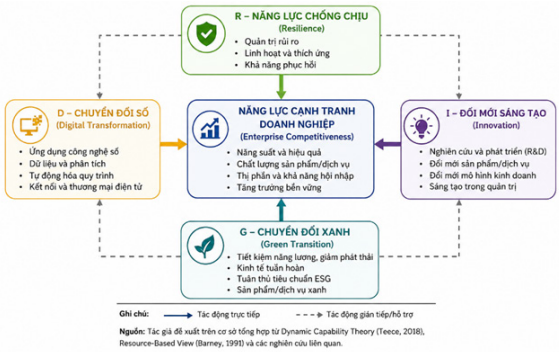

3. Kết quả nghiên cứu

3.1. Bức tranh phát triển DN Việt Nam giai đoạn 2015-2025

Giai đoạn 2015-2025 ghi nhận sự phát triển mạnh mẽ của khu vực DN Việt Nam về số lượng, quy mô và mức độ hội nhập quốc tế. Số DN đang hoạt động tăng từ khoảng 520 nghìn năm 2015 lên gần 940 nghìn năm 2024. Khu vực DN đóng góp trên 60% GDP, tạo việc làm cho khoảng 16 triệu lao động và giữ vai trò quan trọng trong xuất khẩu, đầu tư và đổi mới sáng tạo.

Bảng 1. Một số chỉ tiêu phát triển DN giai đoạn 2015-2024

Chỉ tiêu	2015	2020	2024
Doanh nghiệp đang hoạt động (nghìn DN)	~520	~810	~940
Tỷ trọng DNNVV (%)	97-98	97-98	98
Đóng góp GDP (%)	>60	>60	>60
Lao động khu vực DN (triệu người)	~13	~15	~16

Nguồn: Tổng hợp từ Sách trắng DN Việt Nam.

Cơ cấu DN chuyển dịch theo hướng gia tăng tỷ trọng các ngành công nghệ thông tin, thương mại điện tử, logistics và dịch vụ số. Các FTA thế hệ mới như CPTPP, EVFTA và RCEP mở rộng đáng kể cơ hội tiếp cận thị trường quốc tế. Tuy nhiên, phần lớn DN vẫn có quy mô nhỏ, hạn chế về năng lực tài chính, công nghệ và quản trị.

3.2. Các yếu tố thuận lợi thúc đẩy phát triển DN

Thứ nhất, cải cách thể chế và hội nhập quốc tế. Việc cải thiện môi trường kinh doanh, đơn giản hóa thủ tục hành chính và tham gia các FTA thế hệ mới đã tạo điều kiện mở rộng thị trường và nâng cao năng lực cạnh tranh.

Thứ hai, chuyển đổi số. Sau đại dịch COVID-19, nhiều DN đẩy mạnh ứng dụng thương mại điện tử, thanh toán số và quản trị số, góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động và khả năng thích ứng.

Thứ ba, dòng vốn FDI và sự dịch chuyển chuỗi cung ứng toàn cầu. Các dự án đầu tư trong lĩnh vực công nghệ cao, điện tử và năng lượng tái tạo tạo cơ hội cho DN trong nước tham gia sâu hơn vào chuỗi giá trị quốc tế và tiếp cận công nghệ mới.

Bảng 2. Mức độ chuyển đổi số và chuyển đổi xanh của DN Việt Nam giai đoạn 2020-2024

Chỉ tiêu	2020	2022	2024
DN sử dụng hóa đơn điện tử (%)	35	78	95
DN ứng dụng nền tảng số trong quản trị (%)	28	53	72
DN tham gia thương mại điện tử (%)	32	48	61
DN triển khai giải pháp ESG (%)	12	23	39
DN đầu tư tiết kiệm năng lượng (%)	18	29	44

Nguồn: Tổng hợp từ Bộ KH&ĐT (2024), VCCI (2024), World Bank (2024), OECD (2024).

3.3. Những khó khăn và thách thức

Bên cạnh những kết quả tích cực, khu vực DN vẫn đối mặt với nhiều hạn chế. Trước hết, DNNVV chiếm khoảng 98% tổng số DN nhưng năng lực tài chính còn yếu, gây khó khăn cho đầu tư công nghệ, nghiên cứu phát triển và mở rộng thị trường. Năng suất lao động tuy được cải thiện nhưng vẫn thấp hơn đáng kể so với nhiều quốc gia trong khu vực. Khả năng tiếp cận vốn, công nghệ và nguồn nhân lực chất lượng cao còn hạn chế. Mức đầu tư cho nghiên cứu và phát triển

(R&D) còn thấp, ảnh hưởng đến năng lực đổi mới sáng tạo và khả năng tham gia vào các khâu có giá trị gia tăng cao.

Ngoài ra, bất ổn địa chính trị, đứt gãy chuỗi cung ứng, xu hướng bảo hộ thương mại cùng các tiêu chuẩn ESG và cơ chế điều chỉnh biên giới carbon (CBAM) đang tạo ra áp lực ngày càng lớn đối với DN.

3.4. Những đóng góp mới của DN giai đoạn 2020-2025

Khả năng thích ứng và phục hồi sau đại dịch COVID-19 là một trong những thành tựu nổi bật của DN. Nhiều DN đã chủ động chuyển đổi mô hình kinh doanh, ứng dụng công nghệ số và đa dạng hóa thị trường để duy trì hoạt động.

Trong giai đoạn này, xuất khẩu tiếp tục tăng trưởng, hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo phát triển mạnh, đặc biệt trong các lĩnh vực fintech, edtech, logistics và thương mại điện tử. Đồng thời, ngày càng nhiều DN áp dụng tiêu chuẩn ESG, đầu tư năng lượng tái tạo và mô hình kinh tế tuần hoàn nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững.

Kết quả nghiên cứu cho thấy 5 động lực tăng trưởng giai đoạn đến năm 2035 gồm: (i) chuyển đổi số; (ii) trí tuệ nhân tạo (AI); (iii) chuyển đổi xanh; (iv) đổi mới sáng tạo; và (v) tăng cường liên kết với chuỗi giá trị khu vực và toàn cầu. Đây sẽ là những yếu tố quyết định năng lực cạnh tranh, khả năng thích ứng và triển vọng phát triển bền vững của DN Việt Nam trong thập niên tới.

4. Thảo luận

4.1. Từ tăng trưởng số lượng đến năng lực cạnh tranh dựa trên khả năng thích ứng

Kết quả nghiên cứu cho thấy sự gia tăng nhanh về số lượng DN giai đoạn 2015-2025 chưa đi kèm với sự cải thiện tương ứng về chất lượng tăng trưởng và năng lực cạnh tranh. Trong nhiều năm, thành công của khu vực DN thường được đánh giá qua số lượng DN thành lập mới, vốn đăng ký hoặc doanh thu. Tuy nhiên, các chỉ tiêu này chủ yếu phản ánh sự mở rộng về quy mô hơn là sự nâng cấp về chất lượng.

Thực tế cho thấy phần lớn DN Việt Nam vẫn là DNVVN, với hạn chế về tích lũy vốn, đầu tư công nghệ, nghiên cứu phát triển (R&D) và đổi mới sáng tạo. Điều này tạo nên nghịch lý phổ biến ở nhiều nền kinh tế mới nổi: số lượng DN tăng nhanh nhưng năng suất lao động, giá trị gia tăng và khả năng tham gia vào các khâu có giá trị cao trong chuỗi giá trị toàn cầu cải thiện chậm.

Kết quả này phù hợp với nhiều nghiên cứu quốc tế khi cho rằng, thách thức lớn nhất không phải là thiếu DN mà là thiếu các DN có khả năng đổi mới, mở rộng quy mô và dẫn dắt thị trường. Do đó, mục tiêu phát triển trong giai đoạn tới không chỉ là gia tăng số lượng DN mà quan trọng hơn là hình thành các DN có năng lực cạnh tranh cao.

Một phát hiện đáng chú ý khác là sự thay đổi trong cách tiếp cận năng lực cạnh tranh. Nếu trước đây tăng trưởng doanh thu, lợi nhuận hay thị phần được xem là thước đo chủ yếu thì hiện nay năng lực chống chịu đang trở thành yếu tố chiến lược. Đại dịch COVID-19 cho thấy, nhiều DN quy mô lớn nhưng phụ thuộc vào một thị trường hoặc một chuỗi cung ứng đã gặp khó khăn nghiêm trọng, trong khi nhiều DN linh hoạt hơn lại phục hồi nhanh và tận dụng được cơ hội tăng trưởng.

Trong bối cảnh kinh doanh nhiều biến động, lợi thế cạnh tranh không còn phụ thuộc chủ yếu vào quy mô hay nguồn lực tài chính mà ngày càng gắn với khả năng học hỏi, thích ứng và tái cấu trúc. Năng lực chống chịu vì thế không chỉ là khả năng vượt qua khủng hoảng mà còn là khả năng chuyển hóa thách thức thành cơ hội phát triển.

Nghiên cứu cũng cho thấy, chuyển đổi số và chuyển đổi xanh đang trở thành hai động lực quan trọng tái cấu trúc mô hình tăng trưởng DN. Sự phát triển của trí tuệ nhân tạo (AI), dữ liệu lớn (Big Data), điện toán đám mây và thương mại điện tử đang làm thay đổi căn bản phương thức sản xuất, kinh doanh và quản trị. Đồng thời, các yêu cầu về phát triển bền vững, giảm phát thải carbon và thực hành ESG ngày càng trở thành điều kiện để DN tham gia sâu hơn vào thị trường quốc tế.

Trong bối cảnh đó, DN chậm chuyển đổi có nguy cơ tụt hậu và bị loại khỏi chuỗi cung ứng toàn cầu. Ngược lại, DN đi đầu trong chuyển đổi số và chuyển đổi xanh có cơ hội nâng cao giá trị thương hiệu, tiếp cận nguồn vốn quốc tế và tham gia vào các phân khúc có giá trị gia tăng cao hơn. Điều này phản ánh sự dịch chuyển lợi thế cạnh tranh của Việt Nam từ mô hình dựa trên lao động chi phí thấp sang mô hình dựa trên tri thức, công nghệ và phát triển bền vững.

4.2. Đề xuất mô hình phát triển DN RDIG

Trên cơ sở kết quả nghiên cứu, bài viết đề xuất mô hình phát triển DN RDIG gồm 4 trụ cột: (i) Năng lực chống chịu, (ii) Chuyển đổi số, (iii) Đổi mới sáng tạo và (iv) Chuyển đổi xanh.

Năng lực chống chịu là nền tảng của mô hình. Trong môi trường kinh doanh nhiều bất định, DN cần có khả năng dự báo, thích ứng và phục hồi nhanh trước các cú sốc kinh tế, tài chính, công nghệ và địa chính trị. Những DN có năng lực chống chịu cao

thường sở hữu chuỗi cung ứng linh hoạt, quản trị rủi ro hiệu quả và cơ cấu tài chính lành mạnh.

Chuyển đổi số là công cụ nâng cao hiệu quả hoạt động và mở rộng thị trường. Công nghệ số giúp tối ưu hóa quy trình sản xuất, giảm chi phí giao dịch và cải thiện năng lực quản trị. Trong tương lai, AI, dữ liệu lớn và tự động hóa sẽ trở thành các công nghệ nền tảng quyết định năng suất và sức cạnh tranh của DN.

Đổi mới sáng tạo là động lực tạo ra giá trị mới. Đổi mới không chỉ giới hạn ở công nghệ mà còn bao gồm đổi mới sản phẩm, mô hình kinh doanh, quản trị và thị trường. Đây là yếu tố giúp DN chuyển từ cạnh tranh bằng chi phí thấp sang cạnh tranh bằng giá trị gia tăng.

Chuyển đổi xanh là định hướng phát triển dài hạn. Việc đáp ứng các tiêu chuẩn môi trường không chỉ giúp giảm rủi ro pháp lý mà còn mở ra cơ hội tiếp cận các nguồn vốn xanh, thị trường xanh và nhóm khách hàng ngày càng quan tâm đến phát triển bền vững.

Bốn trụ cột này có mối quan hệ bổ trợ lẫn nhau, tạo thành hệ sinh thái phát triển bền vững. Trong đó, năng lực chống chịu là nền móng; chuyển đổi số là công cụ; đổi mới sáng tạo là động lực; và chuyển đổi xanh là định hướng chiến lược dài hạn.

Kết quả nghiên cứu cho thấy, việc nâng cao năng lực cạnh tranh DN cần được tiếp cận theo hướng hệ thống thay vì các giải pháp đơn lẻ.

Thứ nhất, tiếp tục hoàn thiện thể chế kinh doanh theo hướng minh bạch, ổn định và có khả năng dự báo cao. Việc giảm chi phí tuân thủ, đơn giản hóa thủ tục hành chính và nâng cao chất lượng điều hành sẽ tạo dư địa lớn cho phát triển DN.

Thứ hai, xây dựng hệ sinh thái tài chính đa tầng, không chỉ dựa vào tín dụng ngân hàng mà còn phát triển thị trường vốn, quỹ đầu tư mạo hiểm và các quỹ hỗ trợ đổi mới sáng tạo nhằm đáp ứng nhu cầu vốn cho các dự án công nghệ và chuyển đổi xanh.

Thứ ba, coi chuyển đổi số là chương trình phát triển trọng tâm đối với khu vực DN, đặc biệt là DNNVV là nhóm DN chiếm tỷ trọng lớn nhưng còn hạn chế về nguồn lực và khả năng tiếp cận công nghệ.

Thứ tư, thúc đẩy chuyển đổi xanh thông qua các công cụ như tín dụng xanh, trái phiếu xanh, ưu đãi thuế cho dự án giảm phát thải và xây dựng hệ thống tiêu chuẩn ESG phù hợp với thông lệ quốc tế.

Thứ năm, đầu tư phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao cần được xem là chiến lược dài hạn. Trong nền kinh tế số, chất lượng nhân lực quyết định khả năng hấp thụ công nghệ, đổi mới sáng tạo và nâng cao vị thế DN trong chuỗi giá trị toàn cầu.

4.4. Bài học cho các nền kinh tế mới nổi

Từ trường hợp Việt Nam, có thể rút ra một số bài học quan trọng cho các nền kinh tế mới nổi.

Thứ nhất, DN cần được đặt ở vị trí trung tâm của chiến lược phát triển quốc gia vì đây là khu vực trực tiếp tạo việc làm, đầu tư và đổi mới sáng tạo.

Thứ hai, năng lực chống chịu phải được xem là mục tiêu phát triển song hành với tăng trưởng kinh tế. Một nền kinh tế tăng trưởng nhanh nhưng thiếu khả năng thích ứng sẽ dễ tổn thương trước các cú sốc bên ngoài.

Thứ ba, chuyển đổi số và chuyển đổi xanh cần được triển khai đồng thời như hai hợp phần của quá trình hiện đại hóa nền kinh tế.

Thứ tư, tăng cường liên kết giữa DN trong nước và DN FDI có ý nghĩa quan trọng đối với chuyển giao công nghệ, nâng cao năng suất và tham gia sâu hơn vào chuỗi giá trị toàn cầu.

Thứ năm, đổi mới sáng tạo và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao là con đường hiệu quả để vượt qua bẫy thu nhập trung bình và hướng tới mô hình tăng trưởng dựa trên tri thức, công nghệ và phát triển bền vững.

Trong bối cảnh toàn cầu nhiều biến động, lợi thế cạnh tranh bền vững không còn được quyết định chủ yếu bởi tài nguyên thiên nhiên hay lao động giá rẻ mà ngày càng phụ thuộc vào năng lực học hỏi, đổi mới và thích ứng. Đây cũng là định hướng phát triển quan trọng đối với Việt Nam và các nền kinh tế mới nổi trong những thập niên tới.

5. Kết luận và hàm ý chính sách

5.1. Kết luận

Giai đoạn 2015-2025 là một thập niên nhiều biến động của kinh tế Việt Nam và thế giới, với các cú sốc liên tiếp như chiến tranh thương mại, đại dịch COVID-19, đứt gãy chuỗi cung ứng, lạm phát toàn cầu, bất ổn địa chính trị và sự nổi lên của kinh tế số, kinh tế xanh. Trong bối cảnh đó, khả năng thích ứng, đổi mới và phục hồi của DN trở thành thước đo quan trọng phản ánh chất lượng phát triển kinh tế.

Kết quả nghiên cứu cho thấy, khu vực DN đã có bước phát triển đáng kể về quy mô, mức độ hội nhập và đóng góp cho tăng trưởng kinh tế. DN tiếp tục giữ vai trò trung tâm trong tạo việc làm, huy động nguồn lực xã hội, thúc đẩy xuất khẩu và lan tỏa đổi mới sáng tạo. Đặc biệt, trong giai đoạn dịch COVID-19, nhiều DN đã chủ động chuyển đổi mô hình kinh doanh, ứng dụng công nghệ số và mở rộng phương thức tiếp cận thị trường để duy trì hoạt động.

Tuy nhiên, sự gia tăng về số lượng chưa đi đôi với nâng cao chất lượng. Phần lớn DN vẫn có quy mô nhỏ

và vừa; năng suất lao động, trình độ công nghệ, năng lực đổi mới sáng tạo và khả năng tham gia vào các khâu giá trị gia tăng cao của chuỗi giá trị toàn cầu còn hạn chế. Khoảng cách cạnh tranh giữa DN Việt Nam với các DN dẫn đầu trong khu vực vẫn tương đối lớn.

Nghiên cứu cũng cho thấy, lợi thế cạnh tranh của DN đang thay đổi căn bản. Nếu trước đây tăng trưởng dựa nhiều vào lao động chi phí thấp và ưu đãi đầu tư, thì hiện nay năng lực chống chịu, chuyển đổi số, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi xanh mới là những yếu tố quyết định năng lực cạnh tranh dài hạn. Trong bối cảnh chuỗi cung ứng toàn cầu tái cấu trúc mạnh mẽ, DN ngày càng cạnh tranh bằng công nghệ, dữ liệu, đổi mới và khả năng đáp ứng các tiêu chuẩn phát triển bền vững.

Trên cơ sở đó, nghiên cứu đề xuất mô hình phát triển DN RDIG gồm 4 trụ cột: Năng lực chống chịu, Chuyển đổi số, Đổi mới sáng tạo và Chuyển đổi xanh. Mô hình này khẳng định, năng lực cạnh tranh bền vững không phải là kết quả của một yếu tố đơn lẻ mà là sự kết hợp giữa khả năng thích ứng, ứng dụng công nghệ, đổi mới liên tục và phát triển theo hướng xanh, bền vững.

Kinh nghiệm của Việt Nam cũng phản ánh xu hướng chuyển đổi chung của các nền kinh tế mới nổi: trong môi trường toàn cầu đầy bất định, thành công không còn phụ thuộc chủ yếu vào nguồn lực sẵn có mà ngày càng dựa trên năng lực học hỏi, thích ứng và sáng tạo.

5.2. Hàm ý chính sách

Từ các kết quả nghiên cứu, bài viết đề xuất sáu nhóm giải pháp chính nhằm nâng cao chất lượng phát triển của khu vực DN Việt Nam.

Thứ nhất, chuyển trọng tâm chính sách từ phát triển số lượng sang nâng cao chất lượng DN. Chính sách cần ưu tiên hỗ trợ DN nâng cấp công nghệ, mở rộng quy mô, đầu tư nghiên cứu phát triển và tham gia sâu hơn vào chuỗi giá trị toàn cầu. Thành công không chỉ được đo bằng số DN thành lập mới mà còn bằng số DN có năng suất cao và phát triển bền vững.

Thứ hai, xây dựng năng lực chống chịu như một trụ cột của chiến lược phát triển DN. Cần thúc đẩy quản trị rủi ro, đa dạng hóa thị trường, tăng tính linh hoạt của chuỗi cung ứng và thiết lập các cơ chế cảnh báo sớm đối với rủi ro kinh tế, tài chính, công nghệ và môi trường, nhằm nâng cao khả năng thích ứng trước các cú sốc bên ngoài.

Thứ ba, đẩy nhanh chuyển đổi số và ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI). Chuyển đổi số cần được triển khai thực chất, đặc biệt đối với DNNVV. Đồng thời, cần có chính sách hỗ trợ DN ứng dụng AI trong quản trị, sản xuất, marketing, logistics và dịch vụ khách hàng, nhằm nâng cao năng suất lao động và năng lực cạnh tranh.

Thứ tư, thúc đẩy chuyển đổi xanh như một chiến lược phát triển dài hạn. Nhà nước cần hoàn thiện hệ sinh thái tài chính xanh, bao gồm tín dụng xanh, trái phiếu xanh và các cơ chế khuyến khích đầu tư vào công nghệ sạch; đồng thời xây dựng hệ thống tiêu chuẩn ESG phù hợp với thông lệ quốc tế để hỗ trợ DN tiếp cận thị trường và nguồn vốn toàn cầu.

Thứ năm, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao và hệ sinh thái đổi mới sáng tạo. Cần tăng cường liên kết giữa Nhà nước, DN và các cơ sở đào tạo, nhằm đáp ứng nhu cầu nhân lực của nền kinh tế số; đồng thời hỗ trợ phát triển các trung tâm đổi mới sáng tạo, cụm liên kết công nghệ và mạng lưới hợp tác giữa DN với viện nghiên cứu, trường đại học.

Thứ sáu, nâng cao chất lượng liên kết giữa DN trong nước và khu vực FDI. Việc phát triển nhà cung ứng nội địa và tăng cường kết nối với các tập đoàn đa quốc gia sẽ góp phần thúc đẩy chuyển giao công nghệ, nâng cao tỷ lệ nội địa hóa, cải thiện năng suất và nâng cao chất lượng tăng trưởng của nền kinh tế.

5.3. Thông điệp nghiên cứu

Nghiên cứu cho thấy trong một thế giới nhiều biến động, năng lực cạnh tranh bền vững không còn được xây dựng chủ yếu trên lợi thế chi phí thấp hay quy mô nguồn lực, mà được hình thành từ khả năng thích ứng, đổi mới và chuyển đổi liên tục. Những DN có khả năng học hỏi nhanh, ứng dụng công nghệ hiệu quả, đổi mới mạnh mẽ và phát triển theo hướng xanh sẽ trở thành lực lượng dẫn dắt tăng trưởng trong tương lai.

Đối với Việt Nam cũng như các nền kinh tế mới nổi, đây không chỉ là yêu cầu trước mắt mà còn là định hướng chiến lược để nâng cao vị thế trong chuỗi giá trị toàn cầu, hướng tới mục tiêu tăng trưởng nhanh, bao trùm và bền vững trong những thập niên tới.

Tài liệu tham khảo:

Tổng cục Thống kê (GSO) (2019-2025), Sách trắng Doanh nghiệp Việt Nam, Nxb Thống kê, Hà Nội.

Tổng cục Thống kê (GSO) (2024), Niên giám Thống kê Việt Nam 2023, Nxb Thống kê, Hà Nội.

Bộ Kế hoạch và Đầu tư (MPI) (2020-2025), Báo cáo tình hình phát triển doanh nghiệp Việt Nam, Cổng thông tin điện tử Bộ KH&ĐT.

VCCI (2015-2025), Báo cáo Chỉ số Năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI), Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam.

World Bank (2024), Vietnam Business Ready (B-READY) Report 2024, Washington D.C.

World Bank (2021), Taking Stock: Vietnam Economic Update, World Bank Group.

World Bank (2023), Vietnam 2045: Trading Up in a Changing World, Washington D.C.

UNCTAD (2015-2025), World Investment Report, United Nations Conference on Trade and Development.

UNCTAD (2021), Digital Economy Report 2021: Cross-border data flows and development, United Nations.

OECD (2021), SME and Entrepreneurship Outlook 2021: Digital Transformation, OECD Publishing.

OECD (2023), Policies for Green Transformation and Sustainable Growth, OECD Publishing.

Asian Development Bank (ADB) (2015-2025), Asian Development Outlook, Manila.

IMF (2024), World Economic Outlook: Steady but Slow Growth, International Monetary Fund.

Google, Temasek & Bain & Company (2024), e-Conomy SEA 2024 Report, Southeast Asia Digital Economy Study.

Thủ tướng Chính phủ (2020), Quyết định 749/QĐ-TTg: Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng 2030, Hà Nội.